

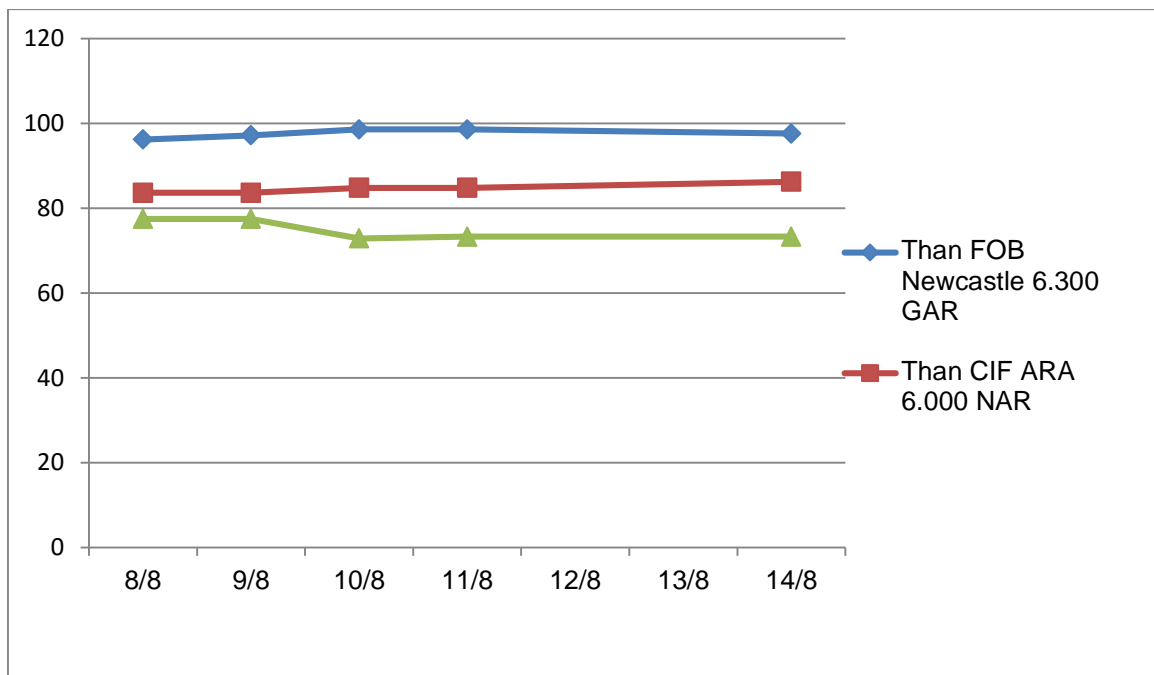


CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	97,60	-1,00	95,10	+ 0,00
CIF ARA 6.000 NAR	86,25	+ 1,45	85,80	+ 0,70
FOB Richards Bay 5.500 NAR	72,90	- 0,40	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	74,95	+ 0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	60,00	+ 0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	48,80	+ 0,10	324,27	+ 0,86
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	65,90	+ 0,00	437,90	+ 0,26
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	81,80	+ 0,10	543,55	+ 0,99

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2017



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 14/08/2017)

ĐIỂM TIN

Coal India Limited xây dựng đường sắt mới

Công ty Coal India Limited (CIL) hiện đang thực hiện 3 dự án đường sắt quan trọng giúp tăng sản lượng than vận chuyển giữa các mỏ lên đến 282 triệu tấn/năm. Theo thông báo của giám đốc công ty, các dự án đường sắt này là một phần trong sáng kiến nhằm nâng cao sản lượng, tránh tình trạng hàng hóa bị tồn đọng do thiếu cơ sở hạ tầng vận chuyển ở một số chi nhánh của công ty. Các tuyến đường sắt này sẽ được xây dựng bởi liên doanh các nhà thầu gồm: nhà thầu phụ của CIL, công ty đường sắt Ấn Độ và Iacon International Limited – công ty tư vấn và xây dựng thuộc Bộ Đường sắt.

Tuyến đường sắt Tori – Shivpur – Kathotia có khả năng vận chuyển khoảng 32 triệu tấn than/năm từ mỏ phía Bắc Karanpura. Tuyến đường sắt Jharsuguda – Barpali - Sardega sẽ cho phép mỏ than Mahanadi vận chuyển 70 triệu tấn than/năm. Trong khi đó tuyến đường sắt phía Đông và Đông Tây sẽ chịu trách nhiệm vận chuyển than từ Mand – Raigarh, Korba và Gevra với sản lượng 180 triệu tấn/năm. Trong năm tài chính này, CIL đã đặt mục tiêu sản lượng 600 triệu tấn than, mức tăng trưởng 8,3% so với năm tài chính trước, trong khi mục tiêu cho năm tài chính 2018 - 2019 sẽ ở mức 773,70 triệu tấn. Tuy nhiên theo số liệu các mỏ cung cấp tuần trước, sản lượng của CIL từ tháng 4 đến tháng 7/2017 chỉ đạt 155,4 triệu tấn, thấp hơn 12 triệu tấn so với mục tiêu ban đầu trong giai đoạn này.

Giá CIF ARA tăng

Giá CIF ARA đã tăng khoảng 75 cents hôm thứ 2 vừa qua, mức cao từ đầu năm đến nay. Trang Platts đã định giá CIF ARA quý 4/2017 ở mức 84,40 USD/tấn, tăng 65 cents so với ngày hôm qua, và giá than năm 2018 sẽ ở mức 77,45 USD/tấn, tăng 35 cents. Giá CIF ARA ổn định trong những tuần gần đây, nhất là tại thị trường Châu Á - Thái Bình Dương, nơi gần đây đã xảy ra một loạt các vấn đề liên quan đến vận tải mà gần đây nhất là sự kiện liên quan đến tuyến đường sắt của Nga. Giá than tương lai quý 4/2017 tăng 25 cents và đạt mức 84 USD/tấn trước khi đạt mức cao 84,85 USD/tấn trong phiên giao dịch buổi sáng. Các công ty thương mại hiện đang rất “bối rối” bởi biến động giá cả, cụ thể giá than Trung Quốc trên sàn giao dịch hàng hóa Zhengzhou đã bắt đầu giảm, đồng thời giá khí đốt tự nhiên của Anh cũng quay đầu giảm. Chính việc thiếu nguồn cung cho than nhiệt trị 6.000 kcal/kg NAR đã đẩy giá cả thị trường giao ngay lên cao.

Mặc dù số lượng các chuyến hàng giao ngay ít đi nhưng giá vẫn tăng lên ở mức 86,25 USD/tấn, tăng 1,45 USD/tấn so với thứ 6 tuần trước. Một chuyến hàng 50.000 tấn giao dịch tháng 9 ở mức 86 USD/tấn (theo thông tin từ Atlantic Brokers). Trong khi đó 1 chuyến hàng 50.000 tấn giao trong tháng 10 ở mức 86 USD/tấn (theo thông tin từ globalCOAL). Giá than FOB Newcastle 6.000 kcal/kg NAR tiếp tục giữ ở mức cao với giá 1 chuyến hàng 25.000 tấn ở mức 97,50 USD/tấn vận chuyển trong tháng 9 trên globalCOAL, tuy nhiên mức giá này vẫn có thể tiếp tục lên cao hơn. Đây chính là mối quan tâm lớn của thị trường hiện tại. Tuy nhiên các công ty không mong đợi thị trường biến động. Nếu giá cả tiếp tục tăng thì có thể số lượng người mua sẽ ít đi. Ở các thị trường khác, giá FOB Richards Bay 6.000 kcal/kg đã đạt mức 84 USD/tấn cho 1 chuyến hàng 50.000 tấn giao tháng 9, và ở mức 88,15 USD/tấn cho chuyến hàng tương tự giao tháng 10. Tuy nhiên không có giao dịch nào được ký kết và thị trường Châu Á vẫn là điểm đến phổ biến hơn so với ARA.

Coal India chậm tiến độ 62 dự án do phê duyệt chậm

Theo báo cáo mới nhất của Coal India (CIL), công ty này đã đặt mục tiêu sản xuất khoảng 1 tỷ tấn than trong năm tài chính 2019-2020 (tháng 4-tháng 6). Tuy nhiên 62 dự án khai thác mỏ của công ty đã bị chậm so với kế hoạch, chủ yếu do sự chậm trễ trong việc lấy được giấy phép chặt hạ rừng, thu hồi đất và các vấn đề liên quan đến phục hồi và tái định cư. CIL cho biết 120 dự án khai thác than và 71 dự án phi khai thác mỏ đang trong các giai đoạn thực hiện khác nhau. Trong số 120 dự án khai thác than, 58 dự án đã được lên kế hoạch, trong khi 62 dự án bị trì hoãn. Trong số 71 dự án phi

khai thác mỏ, 27 dự án đang bị trì hoãn. Theo báo cáo của CIL, có tới 34 dự án khai thác than phải đối mặt với sự chậm trễ trong việc thoả thuận lấy giấy phép chặt hạ rừng, và 17 dự án gặp khó khăn trong thu hồi đất và các vấn đề liên quan. Hiện có 7 dự án đang chậm so với kế hoạch do trục trặc trong thi công hoặc các vấn đề liên quan đến nhà thầu. Ngoài ra 1 dự án đang bị chậm do gặp vấn đề với cơ quan lập pháp và 3 dự án do thiếu cơ sở hạ tầng đường sắt. Trong giai đoạn 2016-2017, CIL đã sản xuất 554,14 triệu tấn than, thấp hơn sản lượng mục tiêu 44,48 triệu tấn. Tính đến ngày 1/4/2017, CIL sở hữu 394 mỏ, trong đó có 193 mỏ khai thác ngầm, 177 mỏ lộ thiên và 24 mỏ hỗn hợp.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	7,95	+ 0,10
	Queensland	Nhật Bản	8,75	+ 0,10
	New South Wales	Hàn Quốc	9,00	+ 0,10
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	11,15	+ 0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	7,40	+ 0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	11,40	+ 0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,50	+ 0,00
	Úc	Trung Quốc	10,30	+ 0,10
	Úc	Ấn Độ	11,70	+ 0,10

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 14/08/2017)